

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2017

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016
của Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020
và định hướng đến năm 2030**

BAN DÂN TỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	
CV	Số: 1042
	Ngày: 30.1.6. 2017
ĐẾN	Chuyên: b. <i>ng v</i>

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng các mục tiêu phấn đấu về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với khả năng nguồn lực và điều kiện của Tỉnh nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ;

- Quán triệt và tổ chức tốt việc thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao mục tiêu và các chỉ tiêu Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng dân tộc và toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện đầy đủ mục tiêu và các nhiệm vụ của Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch đã được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số; xây dựng các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch mới để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Lồng ghép các đề án, dự án, chính sách và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm quản lý của các ngành, các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thời gian, đối tượng thực hiện

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.
- Đối tượng: Người dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên dân tộc Mông và các dân tộc khác theo Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp).

2. Mục tiêu

- Nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của Tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai;
- Xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Nâng cao thể lực:

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến 2020 xuống dưới 18‰, năm 2030 là dưới 12‰; trong đó, ở nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi năm 2020 dưới 19‰ và 2030 là 14‰. Phấn đấu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 73 tuổi, năm 2030 khoảng 75 tuổi gần với tuổi thọ bình quân quốc gia;

- Nâng thể trạng, tâm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 còn 21,5% và 2030 xuống 16%; trong đó ở nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020 còn 22,5% và năm 2030 còn 17%.

b) Phát triển trí lực:

- Đến năm 2020, có ít nhất 24,75% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 85,75% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 98%, trung học cơ sở 95,5% và 54% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi ở bậc tiểu học là 99%, trung học cơ sở 97,0% và người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương là 60,0%;

- Phần đầu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng) bằng mức bình quân chung của cả nước đạt tối thiểu từ 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số); năm 2030 đạt từ 200-250 sinh viên/vạn dân;

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số bằng mức bình quân chung của cả nước, phần đầu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động là người dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người trình độ sau đại học;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 bằng mức bình quân chung của cả nước đạt trên 30%, đến 2030 là 50%.

c) Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường:

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số;

- Đến năm 2020, phần đầu có 50%, năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe:

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: Phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế;

- Trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn: Từ sơ sinh đến 2 tuổi được ưu tiên hỗ trợ để bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ sung hợp lý từ sau 6 tháng và bú mẹ kéo dài đến 2 tuổi; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí” cho trẻ em từ 2 đến 3 tuổi phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn của Trung ương;

- Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người dân tộc thiểu số trong giai đoạn mang thai; đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, củng cố phát triển mạng lưới tuyên truyền viên xuống tận các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Làm tốt công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở; tăng số lượt người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc Mông được chăm sóc y tế.

4.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Đề án Củng cố và phát triển mạng lưới, quy mô trường Phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ; duy trì và nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số;

- Củng cố, nâng cao chất lượng các trường ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đảm bảo các trường Phổ thông dân tộc bán trú được thành lập đều phát triển ổn định, bền vững;

- Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo tốt yêu cầu học tập của học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú... và các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục khác của Trung ương, của Tỉnh theo quy định.

4.3. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm:

- Rà soát danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số và đặc điểm vùng dân tộc thiểu số của Tỉnh; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, nghề trọng điểm theo các cấp độ và các trường, khoa giáo dục nghề nghiệp nội trú cho người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số. Tăng thêm kinh phí hàng năm cho hoạt động của sàn giao dịch việc làm để tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Tỉnh;

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, mở rộng thị trường lao động nước ngoài, chú trọng lao động khu vực miền núi, người dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao tay nghề, tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật của người lao động;

- UBND cấp xã bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng dân tộc thiểu số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động triển khai các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch đã được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của Tỉnh, phù hợp với thực tiễn vùng dân tộc của Tỉnh và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Ban Dân tộc

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch vốn hàng năm, 5 năm thực hiện Nghị quyết theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương;

- Phối hợp cùng với các sở, ngành liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết ở các huyện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Chính phủ theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, tổng hợp vốn thực hiện Nghị quyết vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung Nghị quyết theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính; giám sát chi tiêu, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết;

- Bố trí kinh phí quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tập trung nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và sở, ngành liên quan ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Mục 1, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

4. Sở Y tế

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách, thuộc lĩnh vực do ngành quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết;

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; hỗ trợ khám, điều trị phụ khoa cho phụ nữ nghèo người dân tộc thiểu số; mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và sở, ngành liên quan ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe được quy định tại Mục 1, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng, trung cấp; chính sách miễn giảm học phí và các chính sách khác về đào tạo nghề;

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; hướng dẫn UBND các huyện điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, giải quyết việc làm của lao động trên địa bàn, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và Sở, ngành liên quan ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm được quy định tại Mục 1, Phần III của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về các nội dung liên quan đến giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng vùng dân tộc thiểu số và miền núi; hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù trong Nghị quyết thuộc lĩnh vực của ngành được giao.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số; đề xuất chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền cơ sở, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được các mục tiêu đề ra.

9. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, tích cực tuyên truyền, vận động, giám sát, hỗ trợ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được mục tiêu của Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch trung hạn 5 năm và hàng năm để triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Chỉ đạo, tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực và các chính sách hiện hành, trong đó tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) để tổng hợp báo cáo Bộ, ngành Trung ương theo quy định./. *lstat*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Ủy ban Dân tộc;
 - Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban Dân vận Tỉnh ủy;
 - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố, thị xã;
 - LĐVP: Đ/c Hải, Đ/c Vịnh;
 - Lưu: VT, NC, TH, KT.
- Taint\KeHoach.69b. *22*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Tuấn